

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN- KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH
THAN MIỀN BẮC- VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin
Năm báo cáo: 2019

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc- Vinacomin
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100689 đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 30/8/2019.
- Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 150.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 5, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 04 38642793
- Số fax: 04 38642792
- Website: thanmienbac.vn
- Mã cổ phiếu: TMB
- Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin là : Tổng công ty quản lý và phân phối than được thành lập theo quyết định số 1878/QĐ-TCCB ngày 19/ 12/ 1974 của Bộ Điện và than, làm nhiệm vụ quản lý Nhà nước về mặt hàng than và phân phối tiêu thụ than theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước cho các nhu cầu của nền kinh tế quốc dân.

Đến năm 1988, mặt hàng than không còn thuộc diện vật tư do Nhà nước phân phối mà chuyển sang phương thức kinh doanh theo cơ chế thị trường theo định hướng XHCN vì vậy Tổng công ty quản lý và phân phối than được đổi thành Công ty Kinh doanh và Chế biến than Việt nam.

Ngày 04/3/1995 Bộ Năng Lượng đã ra quyết định số 140/NL-TCCB-LĐ đổi tên Công ty kinh doanh và chế biến than Việt nam thuộc Bộ Năng lượng thành Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc trực thuộc Tổng công ty than Việt Nam kể từ ngày 01/4/1995.

Đến ngày 17/9/2003 Chính phủ đã có quyết định số 194/2003/QĐ-TTg chuyển



Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc thành Công ty TNHH một thành viên Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc thuộc Tổng công ty than Việt Nam nay là Tập đoàn công nghiệp than - Khoáng sản Việt nam.

Ngày 28/12/2005 Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 4234/QĐ-BCN về việc cổ phần hoá Công ty TNHH một thành viên Chế biến và kinh doanh than Miền Bắc thành Công ty Cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin.

Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ ngày 02/1/2007.

Tên gọi, địa chỉ của Công ty:

Tên gọi: Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin

Tên giao dịch quốc tế: : Northern Coal Trading Joint stock Company

Tên giao dịch quốc tế viết tắt: VNCT

Địa chỉ: Số 5 , Phố Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04 8642793 - Fax: 04 8642792

- Các sự kiện khác:

Ngày 29/12/2016 Công ty chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu TMB theo quyết định số 897/QĐ-SGDHN ngày 29/12/2016 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh, chế biến và xuất khẩu than các loại.

- Địa bàn kinh doanh:

Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin là Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam(Tập đoàn TKV), là một mắt xích nằm trong dây chuyền sản xuất, chế biến và tiêu thụ than của Tập đoàn TKV.

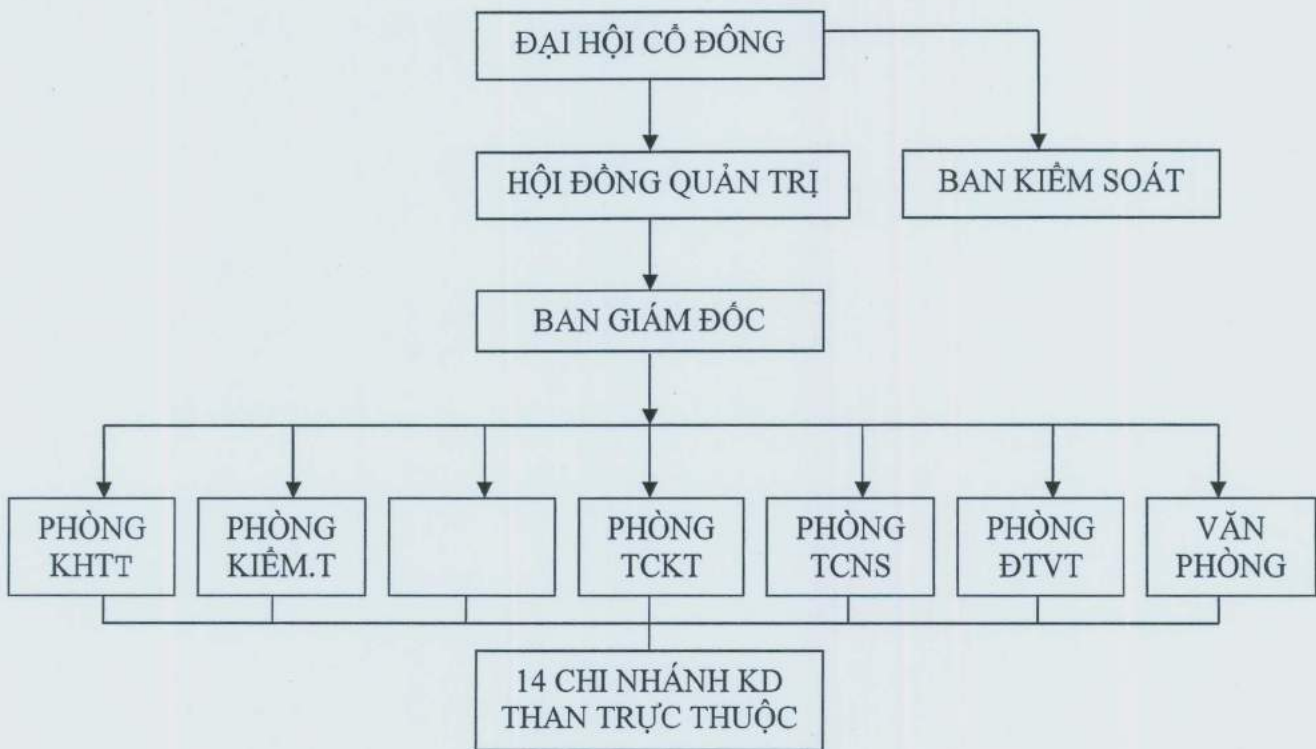
Hoạt động chủ yếu của Công ty là bán than tại địa bàn các tỉnh phía Bắc từ Hà Tĩnh trở ra.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

Đại hội cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội cổ đông được quy

định cụ thể trong Điều lệ của Công ty.



- Cơ cấu bộ máy quản lý:

* Danh sách HĐQT hiện hành:

Lê Quang Bình – Chủ tịch HĐQT

Ngô Quang Trung – Ủy viên, kiêm Tổng Giám đốc.

Nguyễn Minh Hải – ủy viên

Vũ Hữu Long – ủy viên

* Danh sách Ban kiểm soát hiện hành:

Đặng Thị Hải Hà– Trưởng ban

Cao Thị Nhung – ủy viên

Bùi Thị Phương Thảo– ủy viên

* Danh sách Ban Giám đốc hiện hành:

Ngô Quang Trung– Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Hải – Phó Tổng Giám đốc

Phạm Văn Hào – Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Toán – Phó Tổng Giám đốc

* Các phòng tham mưu:

Phòng Tổ chức nhân sự:

Phòng Đầu tư và vật tư:

Phòng Kế hoạch thị trường:

Phòng Tài chính kế toán:

Văn phòng:

* Các chi nhánh kinh doanh than hạch toán phụ thuộc tại các tỉnh gồm 12 đơn vị:

- Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin tại Quảng

Ninh:

Địa chỉ: 11 Lê Thánh Tông, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng ninh

- Công ty kinh doanh than Hải phòng

Địa chỉ: 39 đường Trần Phú, Thành phố Hải phòng.

- Công ty doanh than Hà nội

Địa chỉ: Số 5 Phan Đình Giót, Thanh xuân, Hà nội

- Công ty doanh than Hà Bắc

Địa chỉ: Khu I Thị cầu, Thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc ninh

- Công ty kinh doanh than Bắc Thái

Địa chỉ: Phường Tân Long, Thành phố Thái nguyên

- Công ty kinh doanh than Vĩnh Phú

Địa chỉ: Phường Thanh Miếu, Thành phố Việt trì, tỉnh Phú thọ

- Công ty kinh doanh than Hà Nam Ninh

Địa chỉ: Phường Văn Miếu, Thành phố Nam Định

- Công ty kinh doanh than Thanh Hoá

Địa chỉ: Phường Ngọc trạo, Thành phố Thanh hoá

- Công ty kinh doanh than Nghệ tĩnh

Địa chỉ: 124 đường Trần Hưng đạo, Thành phố Vinh

- Công ty kinh doanh than Hà Nam

Địa chỉ: Xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Xí nghiệp kinh doanh than Cầu đống.

Địa chỉ: Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà nội

- Công ty kinh doanh than Ninh Bình

Địa chỉ: 70 Phố Ngọc Xuân, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình.

- Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty không có các công ty con và công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Tối đa lợi nhuận cho các cổ đông, bảo toàn và phát triển vốn cho các cổ đông; ổn định việc làm, nâng cao đời sống của người lao động góp phần ổn định trật tự xã hội.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Tiếp tục đầu tư kho bãi, nguồn nhân lực và hệ thống quản trị nhằm xây dựng mạng lưới phân phối than rộng khắp Miền Bắc để trở thành kênh phân phối than lớn và có uy tín của Tập đoàn TKV.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Phải xây dựng được mối quan hệ gắn bó với các cơ quan chức năng và cộng đồng dân cư của địa phương, đồng hành cùng với địa phương trong quá trình phát triển và bảo vệ môi trường.

5. *Các rủi ro:* (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường):

- Nguồn than nhập khẩu và nguồn than trôi nổi có giá thấp hơn giá thị trường trong nước của TKV, tuy có sản lượng không ổn định, nhưng có xu hướng giá ngày rẻ sẽ chiếm lĩnh khách hàng của Công ty.

- Một số khách hàng sử dụng than có xu hướng dần chuyển sang sử dụng ga, khí đốt như sản xuất đạm, gạch.

- Một số kho bãi hiện tại gần khu dân cư, trong tương lai gần phải di chuyển ra xa các khu dân cư để tránh ô nhiễm bụi than.

- Do các kho bãi đa số gần sông, do đó có nguy cơ bị lũ lụt đe dọa.

- Vốn điều lệ thấp so với quy mô kinh doanh, do đó phải sử dụng vốn vay, dẫn đến tăng rủi ro về vốn.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv.

Năm 2019 là một năm có nhiều thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành than nói chung, nhưng cũng là một năm khó khăn, thách thức của TMB do nhu cầu sử dụng than của các hộ sản xuất điện, sản xuất xi măng và các hộ sử dụng than chất lượng cao tăng đột biến, giá than nhập khẩu luôn ở mức cao so với giá than trong nước, mặt dù TKV cũng đã có nhiều giải pháp chi đạo các đơn vị đẩy mạnh sản lượng khai thác, chế biến để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ, lượng than tồn kho của TKV đã giảm về mức an toàn. Tuy nhiên, do sản xuất chưa đáp ứng kịp với nhu cầu của thị trường nên các đơn vị kinh doanh than trong đó có than Miền Bắc không có đủ nguồn than để pha trộn chế biến và cung cấp cho khách hàng truyền thống, dẫn đến một số nhà máy phải ngừng hoạt

động hoặc chuyển sang mua than của một số đơn vị khác ngoài than Miền Bắc. Một số khách hàng truyền thống gắn bó nhiều năm gặp nhiều khó khăn, thiệt hại khi không có đủ than phục vụ cho sản xuất từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD cũng như việc làm và thu nhập của một số đơn vị, hơn thế than Miền Bắc dần mất thị phần trên địa bàn được phân công.

Một số đơn vị trực thuộc TMB tiếp tục được TKV giao nhiệm vụ chế biến, pha trộn than giao lại TKV để bán cho các hộ lớn. Tuy nhiên do nguồn than do TKV sản xuất trong nước chưa đáp ứng kịp nhu cầu đưa về chế biến, pha trộn, cũng như việc TKV điều chỉnh tăng giá bán một số chủng loại than có chất lượng cao phù hợp dùng để chế biến, pha trộn do đó sản lượng than pha trộn, chế biến giao lại TKV đôi khi chưa đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra.

Trước những khó khăn và thách thức do thiếu hụt nguồn than, để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, giữ vững thị trường tiêu thụ than hiện có của than Miền Bắc. Công ty và các đơn vị trực thuộc đã tập trung triển khai nhiều giải pháp đồng bộ và kịp thời để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp kinh doanh với TKV, an toàn về tài chính và ổn định thu nhập cho người lao động.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2019

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2018	KH 2019	TH 2019	Tỷ lệ (%) so với KH	Tỷ lệ (%) so với năm 2018
	2	3	4	5	6	7	8
	Sản phẩm chủ yếu						
.1	Than mua	1000 Tấn	3.667	6.000	6.247	104%	170%
.2	Than bán	1000 Tấn	3.487	5.800	5.704	98%	164%
	- Bán các hộ lẻ	1000 Tấn	2.106	2.000	1.314	66%	62%
	- Bán cho các hộ lớn và TKV	1000 Tấn	1.381	3.800	4.390	116%	318%
	Doanh thu	Tr. Đồng	5.712.483	10.472.000	10.857.337	168%	190%
	Giá trị sản xuất	Tr. Đồng	199.147		380.502	193%	191%
	Lợi nhuận	Tr. Đồng	21.978	27.733	83.704	302%	381%
	Tiền lương bình quân	Tr. đồng	8,721	8,948	12,327	138%	141%
	Cổ tức	%	7	7	7	100%	100%

*** Nhận xét đánh giá chung thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:**

Nhìn chung năm 2019 Công ty đều hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra nguyên nhân là do:

*** Công tác nhập mua than và điều hành tiêu thụ than:**

- Công ty đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định, chỉ đạo của TKV trong việc thực hiện công tác hoạt động kinh doanh than. Bám sát kế hoạch điều hành, đẩy mạnh công tác chế biến, pha trộn than giao lại TKV.

- Năm 2019, các chủng loại than có chất lượng thấp, than khu vực miền Tây do TKV sản xuất chưa đáp ứng đủ nhu cầu cho các đơn vị cuối nguồn dùng cho pha trộn với than nhập khẩu mặc dù TKV đã có giải pháp điều hành tăng sản lượng than sản xuất. TMB đã linh hoạt, chủ động tìm các nguồn than nhập khẩu có giá cả cạnh tranh, chất lượng phù hợp, một số chủng loại than có thể thay thế than do TKV sản xuất, tăng cao tỷ lệ than nhập khẩu vào pha trộn. Tỷ lệ than nhập khẩu vào pha trộn năm 2019 đạt khoảng 44%.

- Mặt khác, do nhu cầu thị trường than cho nhiệt điện tăng cao cũng là nguyên nhân làm cho nguồn than do TKV sản xuất không đáp ứng đủ nhu cầu, chưa đảm bảo theo đúng kế hoạch điều hành của TKV (có thời điểm phương tiện chờ nhận than tại đầu nguồn của các đơn vị là trên 100.000 tấn), tuy nhiên các đơn vị trực thuộc đã có nhiều nỗ lực cố gắng, tranh thủ thời cơ bám sát đầu nguồn để nhập mua tối đa các chủng loại than phù hợp để pha trộn chế biến và bán trực tiếp cho khách hàng do đơn vị khai thác, quản lý.

- Nhìn chung đa số các chi nhánh của TMB đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm duy trì khách hàng, giữ vững được thị trường, ổn định việc làm của đơn vị và thu nhập cho người lao động, tuy nhiên vẫn còn một số ít đơn vị chưa phát huy tính chủ động sáng tạo trong việc hướng khách hàng tiếp cận, làm quen với các nguồn than nhập khẩu, than pha trộn nhập khẩu do đó thị trường của đơn vị quản lý ngày càng bị thu hẹp, khách hàng sử dụng than trực tiếp và lâu dài không có, chủ yếu bán cho các khách hàng thương mại, do vậy khi khó khăn về nguồn than hay không đáp ứng được nhu cầu của khách hàng sẽ dẫn tới việc để mất khách hàng nên giá trị sản xuất không ổn định, không có giá trị cao dẫn đến hiệu quả sản lượng kinh doanh và thu nhập của người lao động tại các đơn vị này luôn luôn thấp.

- Công ty đã tích cực phối hợp cùng các đơn vị tìm kiếm các nguồn than do TKV sản xuất có chất lượng thấp, các sản phẩm ngoài than của các đơn vị đầu nguồn phù hợp với than chất lượng cao nhập khẩu để đưa về cuối nguồn chế biến, pha trộn nhằm đảm bảo đủ nguồn than chế biến, pha trộn theo đúng nhiệm vụ, yêu cầu, kế hoạch điều hành của TKV, cũng như đáp ứng được nhu cầu tối thiểu đối với khách hàng truyền thống của TMB.

- Đối với công tác nhập khẩu than: Năm 2019 với nhiệm vụ mới được TKV giao đầu mối nhập khẩu than. Công ty đã chủ động đàm phán với nhà cung cấp than, tổ chức giao dịch và thực hiện theo đúng các quy định của TKV trong công tác nhập khẩu, do vậy đã làm tăng tính chủ động, đáp ứng kịp thời đủ nguồn than theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh.

- Trước những áp lực, thách thức khi TMB bắt đầu tiếp cận lĩnh vực nhập khẩu than, với kinh nghiệm, đội ngũ nghiệp vụ còn thiếu và yếu cả về số lượng, chất lượng, công tác tiếp nhận với khối lượng than lớn và trong khoảng thời gian ngắn, đặc biệt có những thời điểm than nhập khẩu về dồn dập nên công tác tổ chức tiếp nhận, điều phối về các đơn vị cuối nguồn còn lúng túng, có những lô nhập khẩu chất lượng và giá mua chưa thật sự cạnh tranh. Năm 2019 TMB đã thực hiện việc nhập khẩu với số lượng là trên 2.300.000 tấn từ các nguồn than Úc, Nga, Nam Phi, Mozambique...

- Sự phối hợp giữa phòng Kế hoạch thị trường, phòng Tài chính kế toán Công ty, chi nhánh TMB tại Quảng Ninh với các đơn vị cuối nguồn để triển khai tiếp nhận vượt tiến độ dỡ hàng đề ra, kịp thời đưa than về cuối nguồn để pha trộn chế biến với các loại than trong nước do TKV sản xuất để giao lại TKV đúng tiến độ điều hành của TKV. Kết thúc năm 2019 số tiền thưởng do dỡ hàng nhanh vượt tiến độ của than nhập khẩu xấp xỉ đạt gần 6,0 tỷ đồng. Điển hình các đơn vị triển khai tích cực trong việc tiếp nhận than khâu than nhập khẩu và thực hiện tốt việc pha trộn than giao lại TKV với sản lượng ngày càng cao, đáp ứng đủ theo kế hoạch điều hành của TKV như gồm: Than Hải Phòng, Than Thanh Hóa, Than Hà Nam Ninh, Than Bắc Lạng, Than Cầu Đuông và Than Ninh Bình.

Bên cạnh những đơn vị tiếp nhận than nhập khẩu về pha trộn chế biến giao lại TKV, TMB ghi nhận và đánh giá cao trước sự linh hoạt, mạnh dạn của một số đơn vị đã tiếp nhận than nhập khẩu đưa về bán trực tiếp và pha trộn chế biến bán cho các khách hàng tự doanh như: Than Hải Phòng, Than Hà Nội, Than Cầu Đuông, Than Bắc Thái..... từ đó đảm bảo được việc làm, thu nhập cho người lao động, nâng cao giá trị sản xuất của đơn vị và đặc biệt là để khách hàng tự doanh tiếp cận, làm quen sử dụng than nhập khẩu.

*** Công tác chế biến, pha trộn than:**

- Ngay từ đầu năm 2019, để phù hợp với diễn biến của thị trường than, trong các hợp đồng mua bán than giữa TKV với khách hàng đã thể hiện rõ cơ cấu giá mua bán than chi tiết từ các chỉ tiêu chất lượng đến tỷ lệ pha trộn chế biến. Chính vì vậy TMB đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc bám sát hướng dẫn phương án kỹ thuật về chế biến, pha trộn than của TKV để xây dựng phương án chế biến, pha trộn của từng đơn vị cho phù hợp, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

- Năm 2019, qua đánh giá của Đoàn công tác Ban kiểm soát TKV, công tác chế biến, pha trộn than của các đơn vị cơ bản đã đảm bảo yêu cầu đặt ra, một số kiến nghị của Đoàn đã được Công ty tiếp thu rút kinh nghiệm và đã triển khai tới các đơn vị trực thuộc như: Rà soát lại các quy trình pha trộn chế biến than, ban hành các quy định, quy trình thực hiện, hướng dẫn về công tác pha trộn chế biến than và phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các đơn vị tham gia quá trình giao nhận than nhập khẩu; Các phương án pha trộn chế biến đã thể hiện đầy đủ các chi phí như lãi vay, dự phòng trượt giá (đối với than nhập khẩu), chi phí quản lý chung tại đơn vị, chi phí quản lý tại TMB... nhằm phản ánh đúng, đủ lợi nhuận của từng phương án. Các đơn vị được giao nhiệm vụ pha trộn than giao lại TKV, chưa tính đầy đủ các chi phí trong phương án pha trộn, chưa phản ánh đúng lợi nhuận của từng phương án đã khắc phục và hoàn thiện bổ sung kịp thời. Nhìn chung các đơn vị được giao nhiệm vụ pha trộn than giao lại TKV đều bám sát thực hiện theo đúng kế hoạch điều hành hàng tháng của TMB, sẵn sàng thích ứng và chủ động sáng tạo trong việc pha trộn than giao lại TKV khi có thay đổi về giá thanh toán.

*** Thực hiện giao nhận than hộ lớn:**

Công tác thực hiện giao nhận than hộ lớn được các đơn vị trực thuộc duy trì tốt; bố trí bộ máy và phân công thực hiện nhiệm vụ hợp lý; bám sát chỉ đạo và kế hoạch điều hành hàng tháng của TKV; Chủ động trao đổi với khách hàng và đơn vị vận tải, bám sát tình hình thanh toán tiền than của khách hàng; thực hiện giao nhận, đối chiếu công nợ và thanh toán theo đúng quy định của TKV và hợp đồng với khách hàng, tuy nhiên vẫn còn những đơn vị thụ động, chưa chủ động tích cực phối hợp với các bên liên quan trong công tác giao nhận dẫn đến ảnh hưởng tiến độ và sản lượng cung cấp than của TKV với khách hàng.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác:

Ngô Quang Trung, Tổng Giám đốc từ 01/6/2018 đến nay

Phạm Văn Hào, Phó Tổng Giám đốc từ 01/12/2019 đến nay

Nguyễn Minh Hải, Phó Tổng Giám đốc từ 01/4/2017 đến nay

Nguyễn Anh Toán, Phó Tổng giám đốc từ 01/4/2018 đến nay

Nguyễn Đức Vinh, Kế toán trưởng từ 01/4/2018 đến nay

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁN BỘ

1. Họ và tên khai sinh: **NGÔ QUANG TRUNG**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh: 03 tháng 10 năm 1971
4. Nơi sinh: Hạ Long, Quảng Ninh
5. Quê quán: xã Thanh Chi, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 10, Khu 5, phường Yết Kiêu, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
7. Chứng minh thư nhân dân số 100622246; Nơi cấp: CA Quảng Ninh; Ngày cấp: 29/6/2007
8. Điện thoại liên hệ: 0913266569
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế và Quản trị doanh nghiệp
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
12. Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/1995-12/1999	Chi nhánh Công ty CB&KD than Miền Bắc tại Quảng Ninh	Nhân viên Kế hoạch
01/2000-2/2001	Phòng Kế hoạch Công ty CB&KD than Quảng Ninh- Công ty CB&KD than Miền Bắc	Chuyên viên
03/2001-7/2003	Phòng Kế hoạch Công ty CB&KD than Quảng Ninh- Công ty CB&KD than Miền Bắc	Phó trưởng phòng
08/2003-01/2004	Phòng đại diện Công ty CB&KD than Miền Bắc tại Quảng Ninh	Phó văn phòng đại diện
01/2004-10/2004	Phòng Kế hoạch và Thị trường Công ty CB&KD than Miền Bắc kiêm Phó văn phòng đại diện Công ty TNHH MTV CB&KD than Miền Bắc tại Quảng Ninh	Phó trưởng phòng
09/2004-12/2006	Trạm CB&KD than Hòn Gai Công ty CB&KD than Quảng Ninh- Công ty CB&KD than Miền Bắc	Trạm trưởng
01/2007-12/2007	Trạm CB&KD than Hòn Gai Công ty KD than Quảng Ninh- Công ty CPKD than Miền Bắc	Trạm trưởng
01/2008-12/2008	Phòng Thương Mại Công ty KD than Quảng Ninh- Công ty CPKD than Miền Bắc	Trưởng phòng
01/2009-04/2009	Công ty CB&KD than Quảng Ninh- Công ty CPKD than Miền Bắc	Phó giám đốc
05/2009-01/2015	Công ty KD than Hải Phòng- Công ty CPKD than Miền Bắc	Giám đốc

02/2015- 15/10/2015	Công ty CPKD than Miền Bắc Công ty KD than Hải Phòng	Phó tổng giám đốc Giám đốc
16/10/2015 – 31/5/2018	Ban Kinh doanh than – Tập đoàn TKV	Phó trưởng ban
01/6/2018-	Công ty cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc- Vinacomin	Tổng giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 3.582 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,024% Vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao, thưởng thành viên HĐQT.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **PHẠM VĂN HẢO**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 12 tháng 4 năm 1966
4. Nơi sinh: xã An Hoà, Huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Phòng .
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 3 – Khu 6B - P. Hồng Hải, TP Hạ Long, T. Quảng Ninh
7. Chứng minh thư nhân dân số 031066006070; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Ngày cấp: 10/10/2019.
8. Điện thoại liên hệ: Di động: 0903.461.088.
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế.

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc.
11. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
12. Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể)
11/1988-10/1993	Công nhân giao nhận than Trạm quản lý thu mua và cung ứng than Cẩm Phả thuộc Công ty quản lý thu mua và cung ứng than Quảng Ninh
11/1993-12/1995	Phó trạm trưởng Trạm quản lý thu mua và cung ứng than Cẩm Phả thuộc Công ty quản lý thu mua và cung ứng than Quảng Ninh
01/1996-12/1996	Trạm trưởng Trạm quản lý thu mua và cung ứng than Cẩm Phả thuộc Công ty quản lý thu mua và cung ứng than Quảng Ninh
01/1997-5/1999	Phó trạm trưởng trạm CB & KD than Cẩm Phả thuộc Công ty CB & KD than Quảng Ninh
6/1999 – 12/1999	Trạm trưởng trạm CB & KD than Cẩm Phả thuộc Công ty CB & KD than Quảng Ninh
01/2000 – 3/2000	Phó trạm trưởng trạm CB & KD than Cẩm Phả thuộc Công ty CB & KD than Quảng Ninh
4/2002 – 12/2003	Trạm trưởng trạm CB & KD than Mông Dương thuộc Công ty CB & KD than Quảng Ninh
01/2004 – 9/2004	Trạm trưởng trạm CB & KD than Cửa Ông thuộc Công ty CB & KD than Quảng Ninh nay là Công ty kinh doanh than Quảng Ninh
10/2004 -12/2005	Trạm trưởng trạm CB & KD than Cửa Công thuộc Công ty kinh doanh than Quảng Ninh
5/2010 – 12/2013	Phó Giám đốc Công ty kinh doanh than Quảng Ninh
01/2014 -10/2015	Phó Giám đốc Công ty Chế biến than Quảng Ninh - TKV
16/10/2015-11/2019	Giám đốc Công ty kinh doanh than Hải Phòng – CN Cty CPKD than Miền Bắc- Vinacomin
01/12/2019- nay	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc- Vinacomin

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 4.060 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,04% Vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao, thưởng thành viên HĐQT.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **NGUYỄN MINH HẢI**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 13/01/1972
4. Nơi sinh: Hải Phòng
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phòng 304, Nơ 6A, Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội.
7. Chứng minh thư nhân dân số 013055437; Nơi cấp: CA Hà Nội; Ngày cấp: 19/03/2008.
8. Điện thoại liên hệ: 0913.283361
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý kinh tế, Cử nhân Tài chính kế toán.
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc.
11. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
12. Quá trình công tác:

Thời gian <i>(Từ tháng, năm đến tháng, năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/1993- 9/1995	Làm việc tự do	
9/1995- 5/1999	Mỏ than Bảo Đài - Công ty than Uông Bí	Nhân viên kế toán, phó trưởng phòng kế toán.
5/1999- 5/2000	Phòng tài chính kế toán – Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc	Nhân viên kế toán
5/2000- 6/2002	Phòng tài chính kế toán – Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc	Phó trưởng phòng
7/2002- 12/2006	Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc	Kế toán trưởng

01/2007-4/2016	Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin	Kế toán trưởng, ủy viên HĐQT
4/2016-nay	Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin	Phó tổng giám đốc, ủy viên HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 12.372 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,082 % Vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan:

+ Vợ: Ngô Thị Kim Dung: 7.608 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,05% Vốn điều lệ.

+ Em ruột: Nguyễn Thị Thu Hà: 1.434 cổ phần, chiếm 0,01% Vốn điều lệ.

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao, thưởng thành viên HĐQT.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁN BỘ

1. Họ và tên khai sinh: **NGUYỄN ANH TOÁN**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày, tháng, năm sinh: 16 tháng 4 năm 1975

4. Nơi sinh: xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa

5. Quê quán: xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà 469B, Lê Hoàn, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

7. Chứng minh thư nhân dân số 171268999; Nơi cấp: CA Thanh Hóa; Ngày cấp: 12/12/2012

8. Điện thoại liên hệ: 0902038888

9. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc Công ty Kinh doanh

than Thanh Hóa

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không

12. Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng năm	Đơn vị	Chức vụ
01/1993 - 03/1994	Ban chế biến than Công ty Cung ứng Than Thanh Hóa	Nhân viên
04/1994 - 12/2001	Phòng Kế hoạch kinh doanh, Công ty CB & KD Than Thanh Hóa	Nhân viên
1/2002 - 06/2002	Phòng KHKD - Phụ trách cửa hàng giao than theo hợp đồng Công ty CB & KD Than Thanh Hóa	Phó trưởng phòng
07/2002 - 12/2003	CH Hoàng Mai Công ty CB & KD Than Thanh Hóa	Phó trạm trưởng, phụ trách CH
01/2004 - 03/2008	Trạm than Hàm Rồng Công ty CB & KD Than Thanh Hóa	Phó trạm trưởng
04/2008 - 03/2010	Trạm KD Than Lễ Môn 2 Công ty KD Than Thanh Hóa	Trạm trưởng
04/2010 - 03/2011	Phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty KD Than Thanh Hóa	Trưởng phòng
04/2011 - 03/2013	Công ty KD Than Thanh Hóa	Phó giám đốc kiêm trưởng Trưởng phòng KHKD
04/2013 - 12/2013	Công ty KD Than Thanh Hóa	Phó giám đốc
01/2014 - 11/2014	Công ty Kinh doanh Than Thanh Hóa	Quyền giám đốc
12/2014 - 3/2018	Công ty Kinh doanh than Thanh Hóa	Giám đốc
4/2018- nay	Công ty Kinh doanh than Thanh Hóa	Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 5.376 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,036% Vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao, thưởng thành viên HĐQT.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **NGUYỄN ĐỨC VINH**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 19/09/1987
4. Nơi sinh: Quang Trung, Vụ Bản, Nam Định
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 235 Mạc Thị Bưởi, Quang Trung, TP Nam Định, Nam Định.
7. Chứng minh thư nhân dân số 162861211; Nơi cấp: CA Nam Định; Ngày cấp: 02/07/2009.
8. Điện thoại liên hệ: 0915.246129
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng phòng Tài chính kế toán.
11. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
12. Quá trình công tác:

Thời gian <i>(Từ tháng, năm đến tháng, năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/2009 - 9/2015	Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc	Chuyên viên
9/2015 - 4/2016	Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc	Phó trưởng phòng
4/2016 - 8/2016	Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc	Phó trưởng phòng phụ trách
8/2016- 3/2018	Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc	Trưởng phòng

01/4/2018	Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc	Kế toán trưởng
-----------	--	----------------

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 3.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02 % Vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không có.

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.

- Những thay đổi trong ban điều hành (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm): Năm 2019, 01 Phó tổng giám đốc nghỉ hưu trí từ 01/8; bổ sung thêm 01 Phó tổng giám đốc từ ngày 01/12/2019.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Công ty đã ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương theo hướng dẫn của TKV; Quy chế tiền lương, Quy chế thi đua khen thưởng, Quy chế quản lý quỹ thi đua khen thưởng trong toàn Công ty.

Lao động có mặt theo danh sách:

Lao động đầu kỳ 01/01/2019: 774 người

Lao động cuối kỳ 31/12/2019: 665 người

Lao động đã tiết giảm: 14 người

Thu nhập tiền lương bình quân toàn Công ty 12.327.000 đồng, bằng 138% kế hoạch năm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết):

Kế hoạch đầu tư năm 2019 được thực hiện theo nội dung văn bản số 6828/TKV-ĐT ngày 26/12/2018 của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam v/v thông báo kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2019 và văn bản bổ sung số 2394/TKV-ĐT ngày 13/5/2019 V/v thông báo kế hoạch, chuyển bước đầu tư năm 2019 của Công ty CPKD than Miền Bắc; Quyết định số 1716/QĐ-TMB ngày 28/10/2019 của HĐQT Công ty v/v phê duyệt KHĐT năm 2019 điều chỉnh (theo nội dung văn bản số Văn bản số 5301/TKV-ĐT ngày 22/10/2019 của TKV v/v thông báo kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2019 điều chỉnh – Công ty CPKD than Miền Bắc – Vinacomin);

Công tác thực hiện KHĐT năm 2019:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Dan h mục đầu tư	Nguo n v n theo KHĐT 2019 lần 1		KHĐT năm 2019 điều chỉnh lần cuối	Thực hiện năm 2019 (Đã giải ngân bao gồm VAT)	Tỷ lệ % (Thực hiện so với kế hoạch)
	V n chủ sở hữu	Vay thương mại			
Kế hoạch đầu tư năm 2019	33.051	0	22.060	14.158	64%
Công trình chuyển tiếp	3.331	0	1.885	1.883	100%
Công trình khởi công mới	400	0	19.175	12.275	73%
Chuẩn bị dự án	420	0	1.000		100%
Dự phòng	28.900				

- Kế hoạch cả năm 2019 được TKV thông qua gồm: 09 công trình, trong đó: 02 công trình chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2018 và 05 công trình khởi công mới, 01 dự án chuẩn bị.

- Công trình chuyển tiếp:

+ Nâng cấp nền kho than Đa Phúc và lắp đặt hệ thống phun sương - Công ty KD than Bắc Thái.

+ Cải tạo, nâng cấp hàng rào cổng sắt ra vào văn phòng Công ty kinh doanh than Bắc Lạng.

- Công trình khởi công mới:

+ Đầu tư biển hiệu Công ty CPKD than Miền Bắc – Vinacomin

+ Nâng cấp mở rộng kho Đa Phúc – Công ty kinh doanh than Bắc Thái

+ Văn phòng làm việc trạm Như Nguyệt – Công ty KD than Bắc Lạng

+ Hệ thống phần mềm phục vụ quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin

+ Mua máy photocopy Công ty KD than Hà Nội và Công ty KD than Bắc Lạng

+ Xây dựng hệ thống thoát nước và thu gom nước thải kho Cảng Khánh Phú - Công ty KD than Ninh Bình

- Công trình dự phòng:

+ Xây dựng kho bãi chứa than tại Thái Bình

Đã hoàn thành nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và quyết toán vốn đầu tư hoàn thành 05 công trình:

- Nâng cấp nền kho than Đa Phúc và lắp đặt hệ thống phun sương - Công ty KD than Bắc Thái.

- Cải tạo, nâng cấp hàng rào cổng sắt ra vào văn phòng Công ty kinh doanh

than Bắc Lạng.

- Đầu tư biển hiệu Công ty CPKD than Miền Bắc – Vinacomin
- Nâng cấp mở rộng kho Đa Phúc – Công ty kinh doanh than Bắc Thái
- Mua máy photocopy Công ty KD than Hà Nội và Công ty KD than Bắc Lạng

01 công trình đã hoàn thành lập dự án đầu tư (*Dự án xây dựng kho bãi chứa than tại Thái Bình*), hiện đang thực hiện các thủ tục pháp lý về đất đai với địa phương Về thủ tục: Các dự án đầu tư được thực hiện theo đúng quy định của các văn bản pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng. Thực hiện hoàn thành việc lựa chọn nhà thầu bằng hình thức đấu thầu qua mạng 01 gói thầu xây lắp.

Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư còn thấp (64%) Vì trong kế hoạch tổng mức đầu tư là 22.060 triệu đồng đã bao gồm 7.783 triệu đồng chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2020, thông qua văn bản số 6441/TKV-ĐT ngày 26/12/2019 về việc Thông báo kế hoạch đầu tư năm 2020.

Công ty CP KD than Miền Bắc-Vinacomin thực hiện đầu tư năm 2019 dựa trên các cơ sở sau:

- Kế hoạch đầu tư năm 2019 và KHĐT 2019 điều chỉnh của Hội đồng quản trị Công ty.

- Quyết định phê duyệt Báo cáo đầu tư/Báo cáo KTKT của Công ty CP KD than Miền Bắc-Vinacomin cho từng công trình, hạng mục công trình.

- Tổ chức lựa chọn nhà thầu (Mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu,...), thực hiện các giai đoạn của quá trình đầu tư do Phòng Đầu tư và Vật tư phối hợp cùng các đơn vị trực thuộc có dự án/công trình thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Hợp đồng kinh tế giữa Chủ đầu tư và các nhà thầu.

- Các hồ sơ, tài liệu do nhà thầu cung cấp như nhật ký công trình, bản vẽ hoàn công....

- Quyết toán công trình được kiểm toán độc lập thẩm tra trước khi phê duyệt.

Toàn bộ hồ sơ đầu tư của Công ty CP KD than Miền Bắc đều trên cơ sở văn bản pháp luật của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng, quản lý tài chính, bảo vệ môi trường và Quy chế quản lý đầu tư xây dựng của Công ty CPKD than Miền Bắc-Vinacomin ban hành theo Quyết định số 184/QĐ-TMB ngày 31/01/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.

b) Các công ty con, công ty liên kết (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết): Không có.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2018	Năm/Year 2019	% tăng giảm/ % change
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	813.130.503.064	1.605.778.008.925	197%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	5.712.483.113.557	10.857.337.165.310	190%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	21.622.286.171	73.706.182.372	340,8%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	355.759.860	9.998.204.835	2816%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	21.978.046.031	83.704.387.207	380,8%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	13.345.216.585	62.505.966.445	468,3%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	7%	7%	100%
* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>			
Doanh thu/ <i>Revenue</i>			
Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i>			
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i>			
Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i>			

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures:* (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ *depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

11/01/2020 11:46:11 AM

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2018	Năm/Year 2019	Ghi chú/Note
<p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i>:</p> <p>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i>:</p> <p><u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> <i>Short term Debt</i></p>	1,12	1,09	
	0,16	0,15	
<p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)</p>	0,78	0,85	
	3,64	6,13	
<p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i>:</p> <p>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)</p> <p>Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)</p>	8,7	7,7	
	7,02	6,7	
<p>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Target on Profitability</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total</i></p>	0,23%	0,05%	
	7,6%	27,5%	

<i>capital Ratio)</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	1,64%	3,86%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	0,37%	0,67%	
.....			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit institutions and non-bank financial institutions:*

Chỉ tiêu/Figures	Năm/Year X-1	Năm/Year X	Ghi chú/Note
<i>1. Quy mô vốn/ Capital scale</i>			
- Vốn điều lệ/ <i>Charter Capital</i>			
- Tổng tài sản có/ <i>Total assets</i>			
- Tỷ lệ an toàn vốn/ <i>Capital adequacy ratio</i>			
<i>2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ Operating results</i>			
- Doanh số huy động tiền gửi/ <i>Cash deposits</i>			
- Doanh số cho vay/ <i>Lendings</i>			
- Doanh số thu nợ/ <i>Debt collection</i>			
- Nợ quá hạn/ <i>Outstanding debts</i>			
- Nợ khó đòi/ <i>Bad debt</i>			
- Hệ số sử dụng vốn/ <i>Incremental Capital Output Ratio</i>			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh (<i>Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i>)			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (<i>Overdue outstanding debts/ Total debt Ratio</i>)			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ (<i>Bad debt/Total debt Ratio</i>)			
<i>3. Khả năng thanh khoản/</i>			

Solvency			
- Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i>			
- Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i>			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 15.000.000 cổ phần

- Loại cổ phần đang lưu hành: Phổ thông

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/*Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).*

- Cổ đông Tập đoàn Công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam: 67,44%

- Cổ đông cá nhân trong nước: 32,56%

- Cổ đông nước ngoài: Không

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

- Công ty không thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2018.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year*

including trading times, prices and counter parties

- Công ty hiện tại không có cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.*

- Công ty hiện tại không có các chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

- Công ty là đơn vị kinh doanh than trên địa bàn các tỉnh phía Bắc, các kho than hầu hết là nhỏ, có sức chứa trung bình 5.000 tấn, nằm rải rác chủ yếu gần các bến sông, xa khu dân cư nên tác động môi trường chủ yếu là bụi bay vào không khí không lớn.

- Công ty là đơn vị kinh doanh than, số lượng người ở các chi nhánh tại các Tỉnh nhỏ hơn 90 người, nằm rải rác, nên tác động xã hội không lớn.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials*:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

- Công ty là đơn vị kinh doanh than, không tiến hành sản xuất, sản phẩm không phải đóng gói.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

- Công ty không có nguyên vật liệu được tái chế.

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption*:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

- Công ty là đơn vị kinh doanh than, nên mức tiêu thụ năng lượng thấp, tổng mức điện tiêu thụ trong năm vào khoảng 1.100.000KW.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

- Công ty không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

- Công ty không có.

6.3. *Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) *Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ Water supply and amount of water used.*

- Công ty là đơn vị kinh doanh than, nên lượng nước chủ yếu dùng cho sinh hoạt, tiêu thụ ít. Nguồn nước tiêu thụ chủ yếu là nước máy, lượng tiêu thụ trong năm khoảng 5.000m³.

b) *Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ Percentage and total volume of water recycled and reused.*

- Công ty không có.

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:*

a) *Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

- Không có.

b) *Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

- Không có.

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees*

a) *Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ Number of employees, average wages of workers.*

- Số lao động 676 người.

- Tiền lương bình quân: 12.327.000 đồng/người/tháng.

b) *Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

- Người lao động hàng năm được khám sức khỏe định kỳ một lần.

- Những lao động trực tiếp được trang bị bảo hộ lao động theo quy định của luật lao động.

- Người lao động được cấp đồng phục.

- Hàng năm người lao động được đi nghỉ mát, du lịch một lần.

c) *Hoạt động đào tạo người lao động/ Training employees*

- *Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

Hàng năm Công ty cử lao động đi đào tạo nâng cao nghiệp vụ theo chương trình của Tập đoàn TKV tổ chức, mỗi năm trung bình khoảng 6 khóa, mỗi khóa 3 ngày, mỗi khóa cử đi 3 người.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động

đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Công ty chưa có chương trình này, người lao động tự học tập là chính.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

Các hoạt động này Công ty chưa có.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

Các hoạt động này Công ty chưa có.

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ (As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)*

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

Năm 2019 đối với TKV và Công ty là năm rất khó khăn về sản xuất và tiêu thụ, đặc biệt là thị trường tiêu thụ than do: Chính sách của Nhà nước có sự thay đổi đối với ngành than khi Chính phủ cho phép các nhà máy nhiệt điện chạy than được chủ động lựa chọn các nhà cung cấp và cho phép thêm các đơn vị được cấp than cho các hộ điện; thời tiết diễn biến phức tạp, nhất là đợt mưa lũ lớn làm các hồ thủy điện đồng loạt xả lũ, các nhà máy thủy điện được huy động cao dẫn đến tiêu thụ than của TKV giảm; việc giao than cho các nhà máy điện bị ảnh hưởng rất lớn do việc đàm phán giá bán than giữa